

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **942** /STP-VP
V/v Triển khai Công văn số 4973/UBND-
TTTH của UBND tỉnh Đồng Nai ngày
26/6/2013 và Công văn số 2846/STC-NSNN
ngày 26/6/2013 của Sở Tài chính tỉnh Đồng
Nai

Đồng Nai, ngày **05** tháng 7 năm 2013

Kính gửi:

- Phòng Công chứng số 1, 2,3,4;
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước;
- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản.

Ngày 28/6/2013, Sở Tư pháp nhận Công văn số 4973/UBND-TTTH ngày 26/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc đảm bảo an ninh bưu chính trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh và Công văn số 2846/STC-NSNN ngày 26/6/2013 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn thêm một số nội dung thực hiện các giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trong các tháng còn lại năm 2013 theo Chỉ thị 18/CT-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Sở Tư pháp đề nghị các đơn vị tra cứu Công văn số 4973/UBND-TTTH ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai và Công văn số 2846/STC-NSNN ngày 26/6/2013 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai tại địa chỉ <http://www.stp.dongnai.gov.vn> triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin điện tử (dăng tải)
- Lưu: VT, VP.



Huỳnh Minh Thiện



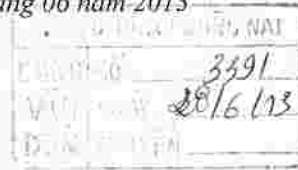
UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: ~~346~~ /STC-NSNN

Đồng Nai, ngày 26 tháng 06 năm 2013

V/v: Hướng dẫn thêm một số nội dung thực hiện các giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính- ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trong các tháng còn lại năm 2013 theo chỉ thị 18/CT-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.



Kính gửi: - Các Sở, Ban, ngành, Đảng, đoàn thể khối Tỉnh.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tăng cường thực hiện các giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trong các tháng còn lại năm 2013.

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị tra cứu Chỉ thị số 18/CT-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai tại địa chỉ <http://vanbanstc.blogspot.com/> và nghiên cứu thực hiện các nội dung liên quan thuộc trách nhiệm của địa phương, đơn vị mình. Ngoài ra, Sở Tài chính hướng dẫn thêm một số nội dung như sau:

I. Thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của những tháng cuối năm (không bao gồm các khoản: chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi cho con người theo chế độ; tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo dự toán đầu năm và tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm đang giữ ở các cấp ngân sách).

1. Phạm vi tính tiết kiệm thêm chi thường xuyên của 7 tháng còn lại trong năm 2013, gồm:

- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi.
- Tiết kiệm 30% chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia bố trí cho các nhiệm vụ chi đoàn ra (chi đi nước ngoài), chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, chi tham quan, học tập.

2 Cách thức xác định số tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên năm 2013:

Để tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính hướng dẫn cách xác định số tiết kiệm thêm chi thường xuyên của 7 tháng còn lại trong năm 2013 như sau:

2.1 Đối với các đơn vị khối tỉnh:

- *Tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo các lĩnh vực chi.*

Số tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên = $[A - (B + C + D + E)] / 12 \times 7$
x 0,1

Trong đó:

A: Là dự toán chi thường xuyên năm 2013 đã được cấp có thẩm quyền giao theo các lĩnh vực chi (không bao gồm chi thường xuyên các chương trình mục tiêu quốc gia).

B: Là tổng số chi lương, phụ cấp, tiền công và các khoản chi khác cho con người theo chế độ (học bổng học sinh, sinh viên; tiền ăn, tiền thưởng theo chế độ quy định, tiền thuê chuyên gia; các khoản phụ cấp đặc thù của từng ngành kể cả bằng tiền hoặc bằng hiện vật;...).

C: là số tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao đầu năm và khoản tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để bố trí chi cải cách tiền lương và thực hiện chính sách an sinh xã hội được giữ ở các cấp ngân sách theo quy định tại khoản 4 điều 4 Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

D: là các khoản bố trí trong dự toán chi thường xuyên để thu hồi kinh phí đã ứng trước.

E: là tổng số các khoản chi đặc thù khác không tính tiết kiệm, gồm:

- Kinh phí hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (bao gồm cả kinh phí mở thêm mới các cơ quan đại diện theo lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

- Kinh phí tài trợ báo, tạp chí, xuất bản, chi trợ giá;

- Kinh phí đặt hàng sản xuất phim, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích;

- Chi từ nguồn vốn ngoài nước;

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; kinh phí đào tạo lưu học sinh nước ngoài ở Việt Nam và đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài diện Hiệp định; kinh phí thực hiện Đề án đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý,... ở nước ngoài (Đề án 356, Đề án 165, Đề án 911, Đề án đào tạo lưu học sinh Việt nam ở nước ngoài theo Đề án xử lý nợ Nga,...);

- Kinh phí mua sắm trang phục các ngành; kinh phí thuê trụ sở;

- Kinh phí vốn đối ứng, kinh phí đóng niên liễm hoặc đóng góp cho các tổ chức hoặc diễn đàn quốc tế, kinh phí nộp các loại thuế theo quy định;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hợp tác khoa học kỹ thuật với một số nước theo Hiệp định hoặc Nghị định thư;..

- Kinh phí thực hiện giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Quỹ giải thưởng văn học nghệ thuật;

- Các khoản chi đặc thù của quốc phòng, an ninh, cơ quan Đảng không tiết kiệm được.

2.2. Đối với các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh:

- *Tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo các lĩnh vực chi.*

Số tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên = $[A - (B + C + D + E)] / 12 \times 7 \times 0,1$

Trong đó:

A: Là dự toán chi thường xuyên năm 2013 đã được cấp có thẩm quyền giao (không bao gồm chi thường xuyên các chương trình mục tiêu quốc gia, chi nhiệm vụ trợ giá, trợ cước).

B: Là tổng số chi lương, phụ cấp, tiền công và chi khác cho con người theo chế độ (học bổng học sinh sinh viên; tiền ăn tiền thưởng theo chế độ quy định; các khoản phụ cấp đặc thù của từng ngành; trợ cấp bảo trợ xã hội; hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ,...).

C: Là khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương được giao theo dự toán đầu năm.

D. Là khoản tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để bố trí chi cải cách tiền lương và thực hiện chính sách an sinh xã hội được giữ ở các cấp ngân sách theo qui định tại khoản 4 điều 4 Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

E: Là tổng số các khoản chi đặc thù không tính tiết kiệm, gồm:

- Chi đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích.

- Kinh phí mua sắm trang phục các ngành, dân quân tự vệ; kinh phí thuê trụ sở; vốn đối ứng vốn sự nghiệp của các dự án ODA.

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; kinh phí đào tạo lưu học sinh nước ngoài ở Việt Nam và đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài diện Hiệp định; kinh phí thực hiện Đề án đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý,... ở nước ngoài (Đề án 356, Đề án 165, Đề án 911, Đề án đào tạo lưu học sinh Việt nam ở nước ngoài theo Đề án xử lý nợ Nga,...);

- Chi hỗ trợ do thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí và chi thường xuyên mang tính chất xây dựng cơ bản phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Chi thường xuyên thực hiện các chính sách an sinh xã hội khác.

- Các khoản chi đặc thù của quốc phòng, an ninh, cơ quan Đảng không tiết kiệm được.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với cơ quan tài chính:

Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm phối hợp các đơn vị tính toán, xác định số tiết kiệm 10% tăng thêm 7 tháng cuối năm và thông báo với KBNN cùng cấp.

2. Đối với Kho bạc Nhà nước:

Căn cứ số liệu của Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm giữ lại số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tại hệ thống Kho bạc Nhà nước và chi thực hiện giải ngân khi có ý kiến chi đạo của UBND tỉnh.

3. Đối với các đơn vị khối tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Triển khai thực hiện dự toán năm ngân sách năm 2013 tại đơn vị và chi đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng theo quy định của Chỉ thị 18/CT-UBND và hướng dẫn của Sở Tài chính. Trong đó, lưu ý các nội dung sau:

- Giảm tối đa số lượng, quy mô hội nghị, hội thảo, tổng kết, sơ kết, đón nhận huân chương, danh hiệu thi đua, kỷ niệm ngày thành lập, lễ khởi công, khánh thành...Thực hiện tiết kiệm tối thiểu 30% dự toán kinh phí đã phân bổ cho các nhiệm vụ chi tổ chức lễ hội, tiếp khách, hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đi công tác trong và ngoài nước...còn lại 7 tháng cuối năm.

- Thực hiện tiết kiệm tối thiểu 20% chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu.

- Ngừng các khoản chi cho các nhiệm vụ khác chưa thực sự cần thiết, cấp bách.

Ngoài ra, đề nghị UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chi đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện:

- Hướng dẫn đối với UBND cấp xã trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị 18/CT-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Chi đạo các đơn vị ngành Tài chính thuộc địa bàn quản lý thực hiện các báo cáo thường xuyên báo cáo Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương tình hình thu, chi ngân sách để kịp thời có giải pháp thực hiện tốt dự toán được giao năm 2013 theo yêu cầu tại Chỉ thị 18/CT-UBND đồng thời gửi báo cáo về Sở Tài chính vào ngày 15 hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị
phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để phối hợp giải quyết./.

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Sơn

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Tỉnh (thay báo cáo);
- Sở Kế hoạch Đầu tư;
- Cục thuế Đồng Nai;
- Cục Hải quan Đồng Nai;
- Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Phòng TCKH các huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục thuế các huyện, thị xã, thành phố;
- Kho bạc nhà nước các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban giám đốc Sở;
- Các phòng trực thuộc Sở Tài chính;
- Lưu VT, NSNN (02 bản).

<244E UB>

